UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số: 2133 /QĐ-SGDĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2023*

# QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận học sinh đạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa lớp 12 cấp trung học phổ thông năm học 2023-2024**

## GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;*

*Căn cứ Quy chế thi học sinh giỏi cấp quốc gia ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 06/3/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Công văn số 3234/SGDĐT-QLT ngày 06/9/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc tổ chức kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 12 cấp trung học phổ thông (THPT) năm học 2023-2024;*

*Căn cứ Kết quả của Ban chấm thi Kỳ thi chọn học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa lớp 12 cấp THPT năm học 2023-2024;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý thi và Kiểm định chất lượng giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận 2.426 (*Hai nghìn bốn trăm hai mươi sáu*) học sinh đạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa lớp 12 cấp THPT năm học 2023-2024, trong đó có 130 giải Nhất, 728 giải Nhì, 601 giải Ba, 967 giải Khuyến khích (*Có danh sách kèm theo*).

**Điều 2.** Học sinh đạt giải trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi Thành phố các môn văn hóa lớp 12 cấp THPT năm học 2023-2024 được Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội cấp Giấy chứng nhận và được hưởng các quyền lợi theo chế độ hiện hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng thuộc Sở; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các học sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận*:
- Như Điều 3;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLT.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Thế Cương

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

# DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI
## KỲ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI CÁC MÔN VĂN HÓA LỚP 12 CẤP THPT
## NĂM HỌC 2023-2024

*(Kèm theo Quyết định số 2133/QĐ-SGDĐT ngày 06/11/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)*

## TRƯỜNG THPT SƠN TÂY

| TT | Số báo danh | Họ và Tên | Giới tính | Ngày sinh | Lớp | Môn thi | Đạt giải |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 050323 | HÀ QUỲNH ANH | Nữ | 22/07/2008 | 10A5 | Lịch sử | Ba |
| 2 | 050549 | NGUYỄN THU NGÂN | Nữ | 21/03/2007 | 11 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Nhì |
| 3 | 050518 | PHẠM HỒNG ĐỨC | Nam | 10/12/2007 | 11 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Ba |
| 4 | 050512 | LƯƠNG CHÍ CƯỜNG | Nam | 24/12/2007 | 11 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Khuyến khích |
| 5 | 050532 | CÁT MINH KHUÊ | Nữ | 01/04/2007 | 11 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Khuyến khích |
| 6 | 050431 | LÊ NHẬT HÀ MY | Nữ | 18/11/2007 | 11 CHUYÊN ĐỊA | Địa lí | Nhì |
| 7 | 050399 | NGUYỄN BẢO ANH | Nữ | 21/10/2007 | 11 CHUYÊN ĐỊA | Địa lí | Ba |
| 8 | 050425 | PHÙNG THẢO LINH | Nữ | 28/06/2007 | 11 CHUYÊN ĐỊA | Địa lí | Ba |
| 9 | 050403 | LÊ NGỌC ÁNH | Nữ | 13/05/2007 | 11 CHUYÊN ĐỊA | Địa lí | Khuyến khích |
| 10 | 050409 | TRẦN QUỲNH CHI | Nữ | 10/04/2007 | 11 CHUYÊN ĐỊA | Địa lí | Khuyến khích |
| 11 | 050438 | PHÙNG BẢO NHI | Nữ | 15/08/2007 | 11 CHUYÊN ĐỊA | Địa lí | Khuyến khích |
| 12 | 050440 | ĐINH TÂM NHƯ | Nữ | 23/11/2007 | 11 CHUYÊN ĐỊA | Địa lí | Khuyến khích |
| 13 | 050224 | PHẠM TRÚC LINH | Nữ | 23/10/2007 | 11 CHUYÊN HÓA | Hoá học | Ba |
| 14 | 050228 | VŨ ĐẶNG MINH | Nam | 14/06/2007 | 11 CHUYÊN HÓA | Hoá học | Ba |
| 15 | 050191 | BÙI DƯƠNG ANH | Nam | 16/12/2007 | 11 CHUYÊN HÓA | Hoá học | Khuyến khích |
| 16 | 050236 | NGUYỄN MINH PHÚC | Nam | 10/12/2007 | 11 CHUYÊN HÓA | Hoá học | Khuyến khích |
| 17 | 050270 | LƯU THANH HÀ | Nữ | 01/09/2007 | 11 CHUYÊN HÓA | Sinh học | Nhì |
| 18 | 050272 | NGUYỄN HOÀNG HẢI | Nam | 16/02/2007 | 11 CHUYÊN HÓA | Sinh học | Khuyến khích |
| 19 | 050168 | VŨ ĐỨC MINH | Nam | 12/06/2007 | 11 CHUYÊN LÝ | Vật lí | Nhì |
| 20 | 050183 | NGUYỄN ANH TUẤN | Nam | 26/12/2007 | 11 CHUYÊN LÝ | Vật lí | Nhì |
| 21 | 050158 | VŨ MINH KHÔI | Nam | 01/10/2007 | 11 CHUYÊN LÝ | Vật lí | Ba |
| 22 | 050314 | TRỊNH NHÂN TRÍ | Nam | 19/12/2007 | 11 CHUYÊN SINH | Sinh học | Nhì |
| 23 | 050259 | NGUYỄN THỊ KIM ANH | Nữ | 24/01/2007 | 11 CHUYÊN SINH | Sinh học | Khuyến khích |
| 24 | 050262 | LƯƠNG GIA BẢO | Nam | 07/03/2007 | 11 CHUYÊN SINH | Sinh học | Khuyến khích |
| 25 | 050266 | CAO HỒNG DUNG | Nữ | 02/06/2007 | 11 CHUYÊN SINH | Sinh học | Khuyến khích |
| 26 | 050283 | NGÔ THU HƯƠNG | Nữ | 08/09/2007 | 11 CHUYÊN SINH | Sinh học | Khuyến khích |
| 27 | 050288 | TRƯƠNG VŨ PHƯƠNG LINH | Nữ | 08/11/2007 | 11 CHUYÊN SINH | Sinh học | Khuyến khích |
| 28 | 050297 | NGUYỄN CHÂU HỒNG NGỌC | Nữ | 19/08/2007 | 11 CHUYÊN SINH | Sinh học | Khuyến khích |
| 29 | 050327 | NGUYỄN HOÀNG ANH | Nam | 05/11/2007 | 11 CHUYÊN SỬ | Lịch sử | Nhì |
| 30 | 050338 | NGÔ MINH HIẾU | Nam | 15/12/2007 | 11 CHUYÊN SỬ | Lịch sử | Nhì |
| 31 | 050371 | LÊ KIM NGÂN | Nữ | 09/02/2007 | 11 CHUYÊN SỬ | Lịch sử | Nhì |
| 32 | 050344 | LƯU ĐÌNH HƯNG | Nam | 02/04/2007 | 11 CHUYÊN SỬ | Lịch sử | Ba |
| 33 | 050357 | NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG LINH | Nữ | 22/08/2007 | 11 CHUYÊN SỬ | Lịch sử | Ba |
| 34 | 050366 | ĐỖ THỊ NGỌC MINH | Nữ | 01/06/2007 | 11 CHUYÊN SỬ | Lịch sử | Ba |
| 35 | 050380 | NGÔ TRẦN QUANG PHONG | Nam | 11/08/2007 | 11 CHUYÊN SỬ | Lịch sử | Ba |
| 36 | 050368 | KIỀU HÀ MY | Nữ | 05/11/2007 | 11 CHUYÊN SỬ | Lịch sử | Khuyến khích |
| 37 | 050480 | NGUYỄN QUỐC HUY | Nam | 23/01/2007 | 11 CHUYÊN TIN | Tin học | Ba |
| 38 | 050476 | NGUYỄN TRỌNG HIẾU | Nam | 30/08/2007 | 11 CHUYÊN TIN | Tin học | Khuyến khích |
| 39 | 050500 | NGUYỄN ĐỨC TOÀN | Nam | 03/12/2007 | 11 CHUYÊN TIN | Tin học | Khuyến khích |
| 40 | 050062 | LÊ AN BÌNH ANH | Nam | 04/07/2007 | 11 CHUYÊN TOÁN | Toán | Nhất |
| 41 | 050075 | NGUYỄN HOÀNG VIỆT DŨNG | Nam | 13/02/2007 | 11 CHUYÊN TOÁN | Toán | Nhì |
| 42 | 050084 | UÔNG SỸ HIẾU | Nam | 22/08/2007 | 11 CHUYÊN TOÁN | Toán | Nhì |
| 43 | 050090 | LÊ TIẾN HƯNG | Nam | 03/08/2007 | 11 CHUYÊN TOÁN | Toán | Nhì |
| 44 | 050105 | HOÀNG HẢI NAM | Nam | 30/01/2007 | 11 CHUYÊN TOÁN | Toán | Ba |
| 45 | 050127 | NGUYỄN ANH TUẤN | Nam | 27/05/2007 | 11 CHUYÊN TOÁN | Toán | Ba |
| 46 | 050102 | HÀ ĐỨC MINH | Nam | 02/08/2007 | 11 CHUYÊN TOÁN | Toán | Khuyến khích |
| 47 | 050104 | TRẦN NHẬT MINH | Nam | 30/01/2007 | 11 CHUYÊN TOÁN | Toán | Khuyến khích |
| 48 | 050345 | BÙI THỊ THIÊN HƯƠNG | Nữ | 18/07/2007 | 11 CHUYÊN VĂN | Lịch sử | Nhì |
| 49 | 050350 | TRẦN NINH KHA | Nữ | 15/06/2007 | 11 CHUYÊN VĂN | Lịch sử | Ba |
| 50 | 050389 | LÊ THỊ PHƯƠNG TRANG | Nữ | 14/11/2007 | 11 CHUYÊN VĂN | Lịch sử | Ba |
| 51 | 050324 | HOÀNG QUỲNH ANH | Nữ | 19/09/2007 | 11 CHUYÊN VĂN | Lịch sử | Khuyến khích |
| 52 | 050028 | NGUYỄN PHƯƠNG LINH | Nữ | 23/02/2007 | 11 CHUYÊN VĂN | Ngữ văn | Nhất |
| 53 | 050008 | CẦN THỊ ÁNH | Nữ | 22/10/2007 | 11 CHUYÊN VĂN | Ngữ văn | Ba |
| 54 | 050040 | PHAN HỒNG NGỌC | Nữ | 16/11/2007 | 11 CHUYÊN VĂN | Ngữ văn | Khuyến khích |
| 55 | 050030 | TRẦN THÙY LINH | Nữ | 31/10/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Ngữ văn | Nhất |
| 56 | 050523 | TRẦN NHẬT HOA | Nữ | 28/08/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Nhì |
| 57 | 050542 | NGUYỄN NGỌC MINH | Nữ | 24/11/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Ba |

| TT | Số báo danh | Họ và Tên | Giới tính | Ngày sinh | Lớp | Môn thi | Đạt giải |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 58 | 050545 | ĐOÀN TRẦN BẢO MY | Nữ | 21/02/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Ba |
| 59 | 050505 | KHUẤT PHƯƠNG ANH | Nữ | 14/07/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Khuyến khích |
| 60 | 050513 | PHÙNG THỊ NGỌC DOANH | Nữ | 27/06/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Khuyến khích |
| 61 | 050519 | PHẠM THÁI HÀ | Nữ | 21/04/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Khuyến khích |
| 62 | 050527 | CHU THỊ MINH HƯƠNG | Nữ | 15/12/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Khuyến khích |
| 63 | 050536 | NGÔ KHÁNH LINH | Nữ | 19/06/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Khuyến khích |
| 64 | 050537 | NGUYỄN NGỌC LINH | Nữ | 13/08/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Khuyến khích |
| 65 | 050544 | NGUYỄN TƯỜNG MINH | Nữ | 28/03/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Khuyến khích |
| 66 | 050550 | PHẠM THANH NGÂN | Nữ | 30/10/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Khuyến khích |
| 67 | 050556 | TRẦN ANH PHƯƠNG | Nữ | 23/02/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Khuyến khích |
| 68 | 050557 | VI MINH PHƯƠNG | Nữ | 25/09/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Khuyến khích |
| 69 | 050561 | BÙI MINH THU | Nữ | 02/09/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Khuyến khích |
| 70 | 050567 | CẦN XUÂN TÙNG | Nam | 07/02/2006 | 12 CHUYÊN ANH | Tiếng Anh | Khuyến khích |
| 71 | 050406 | NGUYỄN THỊ THU BÍCH | Nữ | 10/04/2006 | 12 CHUYÊN ĐỊA | Địa lí | Nhì |
| 72 | 050417 | PHÍ THỊ MINH HIỀN | Nữ | 14/11/2006 | 12 CHUYÊN ĐỊA | Địa lí | Nhì |
| 73 | 050426 | VŨ THỊ DIỆU LINH | Nữ | 23/02/2006 | 12 CHUYÊN ĐỊA | Địa lí | Nhì |
| 74 | 050443 | LÊ THỊ XUÂN QUỲNH | Nữ | 05/05/2006 | 12 CHUYÊN ĐỊA | Địa lí | Ba |
| 75 | 050418 | CHU THU HƯƠNG | Nữ | 10/08/2006 | 12 CHUYÊN ĐỊA | Địa lí | Khuyến khích |
| 76 | 050215 | KHUẤT MINH HOÀNG | Nam | 16/01/2006 | 12 CHUYÊN HÓA | Hoá học | Nhì |
| 77 | 050231 | VŨ KIM NGÂN | Nữ | 07/05/2006 | 12 CHUYÊN HÓA | Hoá học | Nhì |
| 78 | 050205 | NGUYỄN THÀNH ĐẠT | Nam | 17/12/2006 | 12 CHUYÊN HÓA | Hoá học | Ba |
| 79 | 050214 | KHUẤT QUANG HIỂN | Nam | 26/09/2006 | 12 CHUYÊN HÓA | Hoá học | Ba |
| 80 | 050218 | HOÀNG ANH KHÔI | Nam | 03/07/2006 | 12 CHUYÊN HÓA | Hoá học | Ba |
| 81 | 050190 | ĐÀM PHÚC KHANG AN | Nam | 12/05/2006 | 12 CHUYÊN HÓA | Hoá học | Khuyến khích |
| 82 | 050203 | CHU THỊ THÙY DƯƠNG | Nữ | 04/01/2006 | 12 CHUYÊN HÓA | Hoá học | Khuyến khích |
| 83 | 050229 | CHU NHẬT NAM | Nam | 17/07/2006 | 12 CHUYÊN HÓA | Hoá học | Khuyến khích |
| 84 | 050232 | HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG | Nữ | 19/03/2006 | 12 CHUYÊN HÓA | Hoá học | Khuyến khích |
| 85 | 050268 | NGUYỄN THÙY DƯƠNG | Nữ | 12/10/2006 | 12 CHUYÊN HÓA | Sinh học | Nhì |
| 86 | 050083 | NGUYỄN VIỆT HIẾU | Nam | 10/05/2006 | 12 CHUYÊN HÓA | Toán | Khuyến khích |
| 87 | 050187 | TRẦN THANH VIỆT | Nam | 11/08/2006 | 12 CHUYÊN LÝ | Vật lí | Nhất |
| 88 | 050135 | NGUYỄN HỮU BẢO | Nam | 07/10/2006 | 12 CHUYÊN LÝ | Vật lí | Nhì |
| 89 | 050141 | NGUYỄN BÁ KHÁNH DUY | Nam | 22/01/2006 | 12 CHUYÊN LÝ | Vật lí | Nhì |
| 90 | 050148 | LÊ QUÝ ĐỨC | Nam | 04/03/2006 | 12 CHUYÊN LÝ | Vật lí | Ba |
| 91 | 050140 | HÀ KHÁNH DUY | Nam | 17/09/2006 | 12 CHUYÊN LÝ | Vật lí | Ba |
| 92 | 050151 | NGÔ CAO HUY | Nam | 03/02/2006 | 12 CHUYÊN LÝ | Vật lí | Khuyến khích |
| 93 | 050154 | VŨ GIA HUY | Nam | 28/04/2006 | 12 CHUYÊN LÝ | Vật lí | Khuyến khích |
| 94 | 050160 | TRẦN TRUNG KIÊN | Nam | 24/08/2006 | 12 CHUYÊN LÝ | Vật lí | Khuyến khích |
| 95 | 050172 | PHẠM NGỌC NINH | Nam | 19/11/2006 | 12 CHUYÊN LÝ | Vật lí | Khuyến khích |
| 96 | 050188 | BÙI LONG VŨ | Nam | 18/01/2006 | 12 CHUYÊN LÝ | Vật lí | Khuyến khích |
| 97 | 050263 | NGUYỄN THỊ THANH BÌNH | Nữ | 27/09/2006 | 12 CHUYÊN SINH | Sinh học | Nhì |
| 98 | 050303 | TRẦN THANH THẢO | Nữ | 28/04/2006 | 12 CHUYÊN SINH | Sinh học | Nhì |
| 99 | 050306 | VŨ THU THỦY | Nữ | 01/03/2006 | 12 CHUYÊN SINH | Sinh học | Nhì |
| 100 | 050296 | BÙI THỊ NHƯ NGỌC | Nữ | 18/07/2006 | 12 CHUYÊN SINH | Sinh học | Ba |
| 101 | 050302 | VŨ KIỀU THANH | Nữ | 08/05/2006 | 12 CHUYÊN SINH | Sinh học | Ba |
| 102 | 050277 | VŨ ĐỨC HIẾU | Nam | 18/04/2006 | 12 CHUYÊN SINH | Sinh học | Khuyến khích |
| 103 | 050292 | PHÙNG NGỌC MAI | Nữ | 30/03/2006 | 12 CHUYÊN SINH | Sinh học | Khuyến khích |
| 104 | 050353 | DƯƠNG NGỌC KHÁNH LINH | Nữ | 06/11/2006 | 12 CHUYÊN SỬ | Lịch sử | Nhì |
| 105 | 050325 | KIỀU PHƯƠNG ANH | Nữ | 01/07/2006 | 12 CHUYÊN SỬ | Lịch sử | Ba |
| 106 | 050374 | BÙI HỒNG NGUYÊN | Nam | 19/02/2006 | 12 CHUYÊN SỬ | Lịch sử | Ba |
| 107 | 050383 | ĐỖ BÍCH PHƯỢNG | Nữ | 16/03/2006 | 12 CHUYÊN SỬ | Lịch sử | Ba |
| 108 | 050351 | NGUYỄN THỊ LAN | Nữ | 02/02/2006 | 12 CHUYÊN SỬ | Lịch sử | Khuyến khích |
| 109 | 050391 | VŨ KIỀU TRANG | Nữ | 10/01/2006 | 12 CHUYÊN SỬ | Lịch sử | Khuyến khích |
| 110 | 050065 | PHƯƠNG ANH | Nữ | 22/06/2006 | 12 CHUYÊN TOÁN | Toán | Nhất |
| 111 | 050081 | NGUYỄN HỒNG ĐĂNG | Nam | 01/12/2006 | 12 CHUYÊN TOÁN | Toán | Nhì |
| 112 | 050069 | LÊ NGỌC DUNG | Nữ | 05/02/2006 | 12 CHUYÊN TOÁN | Toán | Nhì |
| 113 | 050098 | ĐINH HOÀNG LONG | Nam | 13/12/2006 | 12 CHUYÊN TOÁN | Toán | Nhì |
| 114 | 050124 | NGUYỄN QUỐC TRIỆU | Nam | 07/10/2006 | 12 CHUYÊN TOÁN | Toán | Nhì |
| 115 | 050080 | NGUYỄN HẢI ĐĂNG | Nam | 02/03/2006 | 12 CHUYÊN TOÁN | Toán | Ba |
| 116 | 050097 | PHAN NGỌC LINH | Nữ | 04/04/2006 | 12 CHUYÊN TOÁN | Toán | Ba |
| 117 | 050107 | PHAN THỊ THANH NGÂN | Nữ | 20/07/2006 | 12 CHUYÊN TOÁN | Toán | Ba |
| 118 | 050111 | NGUYỄN ĐĂNG NHẬT | Nam | 27/07/2006 | 12 CHUYÊN TOÁN | Toán | Ba |
| 119 | 050091 | NGUYỄN DUY KHÁNH | Nam | 05/11/2006 | 12 CHUYÊN TOÁN | Toán | Khuyến khích |
| 120 | 050101 | KIỀU TIẾN MẠNH | Nam | 08/08/2006 | 12 CHUYÊN TOÁN | Toán | Khuyến khích |
| 121 | 050328 | NGUYỄN THÚY ANH | Nữ | 20/10/2006 | 12 CHUYÊN VĂN | Lịch sử | Nhì |
| 122 | 050361 | TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG LINH | Nữ | 18/10/2006 | 12 CHUYÊN VĂN | Lịch sử | Nhì |
| 123 | 050375 | LÊ KIỀU KHÁNH NGUYÊN | Nữ | 12/09/2006 | 12 CHUYÊN VĂN | Lịch sử | Khuyến khích |
| 124 | 050390 | NGUYỄN THÁI TRANG | Nữ | 21/10/2006 | 12 CHUYÊN VĂN | Lịch sử | Khuyến khích |
| 125 | 050003 | KIỀU QUỲNH ANH | Nữ | 06/08/2006 | 12 CHUYÊN VĂN | Ngữ văn | Nhì |

| TT | Số báo danh | Họ và Tên | Giới tính | Ngày sinh | Lớp | Môn thi | Đạt giải |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 126 | 050044 | HOÀNG NHƯ PHƯƠNG | Nữ | 20/04/2006 | 12 CHUYÊN VĂN | Ngữ văn | Nhì |
| 127 | 050048 | ĐỖ HÀ THU | Nữ | 06/05/2006 | 12 CHUYÊN VĂN | Ngữ văn | Nhì |
| 128 | 050051 | KHUẤT HƯƠNG THÙY | Nữ | 27/08/2006 | 12 CHUYÊN VĂN | Ngữ văn | Nhì |
| 129 | 050045 | NGUYỄN KIM LAN PHƯƠNG | Nữ | 06/03/2006 | 12 CHUYÊN VĂN | Ngữ văn | Khuyến khích |
| 130 | 050434 | NGUYỄN THỊ THANH NGÂN | Nữ | 05/10/2006 | 12A1 | Địa lí | Ba |
| 131 | 050352 | KHUẤT DUY LÂM | Nam | 16/02/2006 | 12A1 | Lịch sử | Nhì |
| 132 | 050163 | KIỀU NHẬT LINH | Nam | 27/05/2006 | 12A2 | Vật lí | Khuyến khích |
| 133 | 050118 | KIỀU VIỆT THIỆU | Nam | 21/08/2006 | 12A3 | Toán | Ba |
| 134 | 050405 | HÀN HOÀNG BÁCH | Nam | 01/03/2006 | 12A4 | Địa lí | Khuyến khích |

*(Danh sách gồm có 134 học sinh)*